Số: 915/QĐ-BVBS
Thời gian ký: 2026-11-02T14:44:05+07:00

Phụ lục 2

THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVBS ngày /11/2026 của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn)

1. Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí: không phát sinh khoản thu, chi, nộp ngân sách từ nguồn thu phí, lệ phí.

2. Quyết toán chi ngân sách nhà nước: 25.090.624.140 đồng

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Số liệu đơn vị quyết toán	Số liệu xét duyệt	Chênh lệch
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	4.409.512.442	4.409.512.442	0
- Dự toán được giao trong năm	22.070.717.000	22.070.717.000	0
+ Dự toán giao đầu năm	*23.474.839.000*	*23.474.839.000*	0
+ Dự toán bổ sung trong năm	*-1.404.122.000*	*-1.404.122.000*	0
- Kinh phí thực nhận trong năm	25.090.624.140	25.090.624.140	0
- Kinh phí quyết toán	25.090.624.140	25.090.624.140	0
- Kinh phí giảm trong năm	163.605.302	163.605.302	0
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	1.226.000.000	1.226.000.000	0
+ Kinh phí đã nhận	*0*	*0*	0
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc Nhà nước	1.226.000.000	1.226.000.000	0

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán là kinh phí Đề án mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các bệnh viện công lập tuyến tỉnh của tỉnh Bình Định *(nguồn 12, khoản 132)* số tiền 1.226.000.000 đồng *(Dự toán giao: 20.920.477.000 đồng; Dự toán đã sử dụng: 19.694.477.000 đồng).*

- Kinh phí hủy dự toán: 163.605.302 đồng, bao gồm:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung kinh phí	Tổng dự toán được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2026	Dự toán còn lại hủy bỏ
Tổng cộng		**3.759.752.442**	**3.596.147.140**	**163.605.302**
1	Kinh phí chính sách hỗ trợ trong khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo và một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh (nguồn 12, khoản 132)	149.307.442	124.387.840	24.919.602
2	Kinh phí để chi trả chính sách ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ (nguồn 12, khoản 132)	2.175.787.000	2.175.442.300	344.700
3	Kinh phí Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh (nguồn 12, khoản 132)	1.434.658.000	1.296.317.000	138.341.000